

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2713* /UBND-NC

Hung Yên, ngày *31* tháng *10* năm 2019

V/v đề nghị phê duyệt Đề án và đăng ký thực hiện chế định Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động hỗ trợ tư pháp và nhiệm vụ hoàn thiện các chế định hỗ trợ tư pháp được quy định tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, các Nghị quyết của Quốc hội: số 24/2008/QH12 ngày 14/11/2008 về thi hành Luật Thi hành án dân sự, số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại, số 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 về thực hiện chế định Thừa phát lại và Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 14/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/2015/QH13 của Quốc hội về thực hiện chế định Thừa phát lại.

Căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, với số lượng án mỗi năm các Tòa án nhân dân xét xử ngày càng tăng, theo đó số lượng văn bản, giấy tờ cần tổng đặt tăng lên; số lượng biên chế trong các cơ quan Tòa án và Thi hành án dân sự ngày càng giảm do thực hiện sắp xếp, bố trí lại vị trí việc làm và tinh giản biên chế dẫn đến tình trạng quá tải trong việc giải quyết các công việc của các cơ quan.

Từ tình hình trên cho thấy nhu cầu phát triển Thừa phát lại tại tỉnh Hưng Yên là rất cần thiết. Việc thực hiện chế định Thừa phát lại giúp người dân và doanh nghiệp có thêm được sự lựa chọn phù hợp với điều kiện của cá nhân, tổ chức khi yêu cầu thi hành án dân sự. Các hoạt động tư pháp và các lĩnh vực khác có liên quan được hiệu quả, góp phần giảm tải công việc của các cơ quan tư pháp, trước hết là của Tòa án và Cơ quan Thi hành án dân sự; Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đề nghị Bộ Tư pháp như sau:

1. Chấp thuận cho tỉnh Hưng Yên được đăng ký thực hiện chế định Thừa phát lại tại địa phương.

2. Phê duyệt Đề án triển khai thực hiện chế định Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2022 với lộ trình:

2.1. Giai đoạn 2019 - 2020

- Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm tổ chức và hoạt động thí điểm Thừa phát tại các tỉnh thực hiện thí điểm Thừa phát lại (hoặc các tỉnh có Văn phòng Thừa phát lại).

- Đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về Thừa phát lại; hiểu về hoạt động của Thừa phát lại, thấy được vai trò và sự cần

thiết của tổ chức này trong thực tiễn đời sống pháp lý; các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại.

- Tổ chức xét duyệt hồ sơ đưa học viên bồi dưỡng nghiệp vụ Thừa phát lại.

- Thực hiện bổ nhiệm Thừa phát lại.

- Thành lập 06 Văn phòng Thừa phát lại: thành phố Hưng Yên 01, thị xã Mỹ Hào 01, huyện Văn Giang 01, huyện Văn Lâm 01, huyện Yên Mỹ 01, huyện Khoái Châu 01 Văn phòng.

2.2. Giai đoạn 2020 - 2022

- Tập trung xây dựng hệ thống các Văn phòng Thừa phát lại và thành lập tổ chức hành nghề Thừa phát lại; bước đầu đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh.

- Bổ sung thêm từ 01 đến 02 Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh, được phân bố tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời có tính đến nhu cầu thi hành án dân sự theo từng đơn vị cấp huyện.

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động thừa phát lại; duy trì, ổn định các Văn phòng Thừa phát lại hiện có; củng cố, phát triển Văn phòng Thừa phát lại theo định hướng phân bố hợp lý từng địa bàn; phù hợp với định hướng phát triển của Chính phủ và Bộ Tư pháp.

(Gửi kèm Đề án triển khai thực hiện chế định Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)./. 

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{Hào} 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Quang

Số: 2713 /ĐA-UBND

Hưng Yên, ngày 31 tháng 10 năm 2019

ĐỀ ÁN

Triển khai thực hiện chế định Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động hỗ trợ tư pháp và nhiệm vụ hoàn thiện các chế định hỗ trợ tư pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2008/QH12 ngày 14/11/2008 về thi hành Luật Thi hành án dân sự, Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại. Nhằm cụ thể hóa và đưa ra các kế hoạch, giải pháp nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36/2012/QH13 của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 25/3/2013 phê duyệt Đề án “*Tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại*”. Theo đó, tính đến hết tháng 6/2019, chế định Thừa phát lại đã được triển khai thực hiện tại gần 40 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Hiệu quả hoạt động của chế định Thừa phát lại tại các tỉnh, thành phố trên đã cho thấy đây là một hướng đi đúng về xã hội hóa hoạt động tư pháp, hoạt động thi hành án dân sự; bước đầu khẳng định vị trí, vai trò trong đời sống xã hội và trong hoạt động tư pháp, tạo lập một nghề mới về cung cấp dịch vụ pháp lý, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự. Qua các báo cáo tổng kết về hoạt động Thừa phát lại tại các địa phương, có thể thấy hiệu quả của chế định Thừa phát lại đem lại cho người dân, xã hội và hoạt động tư pháp như sau:

- Đối với người dân và xã hội: Việc thực hiện chế định Thừa phát lại đã góp phần nâng cao nhận thức đối với cơ quan nhà nước và người dân về một chủ trương mới của Đảng, Nhà nước. Chế định Thừa phát lại đã tạo cơ chế tăng cường tính chủ động, tích cực của công dân trong các quan hệ dân sự, tố tụng dân sự. Trong đó, việc lập vi bằng của Thừa phát lại được người dân đón nhận tích cực vì đã tạo thêm một công cụ pháp lý để người dân tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong thực hiện các giao dịch dân sự và trong hoạt động tố tụng. Bên cạnh đó, sự hiện diện của các Văn phòng Thừa phát lại bên cạnh các cơ quan Thi hành án dân sự của Nhà nước đã tạo điều kiện để người dân có thêm sự lựa chọn phù hợp với năng lực, điều kiện của cá nhân khi yêu cầu thi hành án dân sự. Ngoài ra, hoạt động Thừa phát lại bước đầu đã tạo lập một nghề mới trong thị trường cung cấp dịch vụ pháp lý và là bước đầu tiên xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự, tạo thêm việc làm cho xã hội.

- Đối với hoạt động tư pháp và các lĩnh vực khác có liên quan: Hoạt động Thừa phát lại đã bước đầu hỗ trợ tích cực cho các hoạt động tư pháp được nhanh hơn, hiệu quả hơn, góp phần giảm tải công việc của các cơ quan tư pháp, trước hết là của Tòa án và Cơ quan Thi hành án dân sự. Đối với Tòa án, việc tổng đạt văn bản của Thừa phát lại đã giúp Tòa án tập trung vào việc xét xử, việc lập vi bằng giúp tạo lập nguồn chứng cứ góp phần bảo đảm cho việc xét xử khách quan, kịp thời và chính xác. Đối với cơ quan thi hành án dân sự, việc thực hiện các công việc về tổng đạt văn bản thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, trực tiếp tổ chức thi hành án của Thừa phát lại đã nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan thi hành án dân sự, tạo cơ chế vừa phối hợp, hỗ trợ vừa cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực thi hành án, bước đầu góp phần hạn chế một số tiêu cực trong hoạt động thi hành án dân sự.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 của Quốc hội về thực hiện chế định Thừa phát lại;

- Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;

- Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh

- Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 14/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/2015/QH13 của Quốc hội về thực hiện chế định Thừa phát lại;

- Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014 của Liên Bộ hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên là tỉnh thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, thuộc tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, phía bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía đông giáp tỉnh Hải Dương, phía tây giáp thủ đô Hà Nội, Hà Nam, phía nam giáp tỉnh Thái Bình. Không chỉ có vị trí thuận lợi nằm kề sát thủ đô Hà Nội, Hưng Yên còn có các tuyến đường giao thông quan trọng như quốc lộ 5 (*dài 23 km*), quốc lộ 38, quốc lộ 39 (*dài 43 km*) nối quốc lộ 5 với quốc lộ 1 tại Hà Nam, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và các tuyến đường sông: sông Hồng, sông Luộc chạy qua. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Hưng Yên có cơ hội đón nhận và tận dụng những cơ hội phát triển của vùng. Nhất là trong tương lai gần, khi kết cấu hạ tầng như hệ thống đường bộ, đường cao tốc, đường sắt, cảng sông được đầu tư xây dựng.

Bên cạnh đó, là tỉnh có lợi thế phát triển nông nghiệp, lại có vị trí gần các trung tâm công nghiệp, Hưng Yên có cơ hội chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế, đặc biệt là cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển mạnh nông nghiệp hàng hoá phục vụ cho nhu cầu thực phẩm tươi sống và chế biến của các thành phố và khu công nghiệp.

Năm 2018, tình hình kinh tế - xã hội đạt được nhiều thành tựu lớn, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng 9.64%. Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 55.3 triệu đồng. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 10.93%; Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tăng 11.73% đạt 31.039 tỷ đồng; Chỉ số CPI tăng 4.42%, tỷ lệ hộ nghèo còn 2.55%. Toàn tỉnh hiện có 10 khu công nghiệp (KCN) với quy mô hơn 2.481ha, trong đó có 4 KCN lớn, gồm các KCN: Phố Nối A, Dệt may Phố Nối, Thăng Long II, Minh Đức. Theo quy hoạch, đến năm 2020 toàn tỉnh sẽ có 35 cụm công nghiệp, tổng diện tích là 1.399 ha để tạo mặt bằng thuận lợi cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Cùng với sự phát triển năng động về kinh tế, thì các quan hệ xã hội diễn ra cũng có xu hướng ngày càng đa dạng, phức tạp, phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh chấp. Các khiếu kiện hành chính, tranh chấp dân sự, kinh tế, lao động thường xuyên xảy ra và có chiều hướng tăng về số lượng, phức tạp, đa dạng hơn về nội dung. Từ tình hình trên, trong giai đoạn hiện nay, việc thành lập tổ chức Thừa phát lại là rất cần thiết, sẽ góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu chính đáng của tổ chức, công dân đối với việc thi hành án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; tạo cơ hội cho người dân có quyền lựa chọn việc yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Tòa án với thời gian nhanh hơn, hiệu quả hơn, bảo đảm quyền và lợi ích các bên có liên quan, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, giảm tải công việc cho hệ thống Tòa án và cơ quan Thi hành án dân sự.

b) Về hoạt động tổng đạt các loại văn bản của Tòa án và cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh

Trong những năm qua, hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh đã thụ lý giải quyết các vụ án dân sự, kinh tế, hôn nhân và gia đình, hành chính, lao động ngày một tăng, với số lượng lớn, khoảng 2.500 vụ/năm (*năm 2015 là 2.106 vụ, năm 2016 là 2.325 vụ, năm 2017 là 2.647 vụ, năm 2018 là 3.158 vụ, 5 tháng đầu năm 2019 là 1.820 vụ*).

Theo quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động tố tụng cho thấy, thủ tục giải quyết một vụ án, Tòa án phải thực hiện tổng đạt trung bình khoảng 10 loại giấy tờ, văn bản, như: Thông báo thụ lý vụ kiện, giấy mời lấy lời khai, thông báo hòa giải, quyết định khẩn cấp tạm thời, thông báo đo đạc, thẩm định, giấy triệu tập đương sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định, bản án của Tòa... Hiện nay, nhu cầu tổng đạt giấy tờ của cơ quan tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh là thường xuyên, liên tục, trung bình khoảng 21.000 văn bản/năm (*năm 2015 là 17.826 văn*

bản, năm 2016 là 29.452 văn bản, năm 2017 là 20.934 văn bản, năm 2018 là 25.308 văn bản, 5 tháng đầu năm 2019 là 13.938 văn bản).

Trong lĩnh vực Thi hành án dân sự, các cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh thụ lý giải quyết trung bình khoảng 7.000 việc/năm (*năm 2015 là 6.367 việc, năm 2016 là 6.495 việc, năm 2017 là 6.569 việc, năm 2018 là 7.002 việc, 5 tháng đầu năm 2019 là 5.444 việc*). Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ việc, Chấp hành viên phải tổng đạt ít nhất 04 loại giấy tờ, như: Giấy mời, quyết định thi hành án (*lập biên bản khi tổng đạt*), thông báo kê biên tài sản, định giá tài sản. Trường hợp thi hành cưỡng chế thường có 15 loại giấy tờ và cả các vụ việc xác minh điều kiện thi hành án. Tính trung bình một năm cơ quan Thi hành án trên địa bàn tỉnh tổng đạt khoảng hơn 30.000 văn bản, giấy tờ các loại (*năm 2015 là 31.835 văn bản, năm 2016 là 32.475 văn bản, năm 2017 là 32.845 văn bản, năm 2018 là 35.010 văn bản, 5 tháng đầu năm 2019 là 27.220 văn bản*).

Việc tổng đạt giấy tờ, văn bản có liên quan đến việc xét xử và thi hành án có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định của pháp luật, nhưng hiện nay cũng gặp phải không ít những khó khăn do công chức của cơ quan tòa án và cơ quan thi hành án dân sự khá mỏng lại thực hiện nhiều công việc khác. Vì vậy, nếu có Thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ, văn bản sẽ góp phần bảo đảm tuân thủ chặt chẽ yêu cầu của thủ tục tố tụng, trong công tác xét xử của Tòa án và công tác thi hành án của cơ quan Thi hành án dân sự và góp phần giảm tải cho các cơ quan Tòa án và cơ quan Thi hành án dân sự.

c) Về hoạt động của thi hành án dân sự

Thực tiễn, công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cho thấy, lượng án thụ lý và được đưa ra thi hành ngày càng tăng, án tồn nhiều, trong khi về con người, biên chế của các cơ quan thi hành án dân sự đang được điều chỉnh theo xu hướng tinh giảm biên chế. Nguyên nhân là do quy trình xử lý thi hành án phải trải qua nhiều giai đoạn, mất nhiều thời gian mới giải quyết xong vụ việc; ý thức chấp hành pháp luật của một số đối tượng phải thi hành án chưa cao, còn chây ỳ, cố tình né tránh, hoặc lợi dụng việc khiếu nại để trì hoãn việc thi hành án. Cụ thể:

- Trong năm 2015: Tổng số vụ việc thụ lý 6.367 việc, đã giải quyết xong 4.603 việc.

- Trong năm 2016: Tổng số vụ việc thụ lý 6.495 việc, đã giải quyết xong 4.448 việc.

- Trong năm 2017: Tổng số vụ việc thụ lý 6.569 việc, đã giải quyết xong 4.605 việc.

- Trong năm 2018: Tổng số vụ việc thụ lý 7.002 việc, đã giải quyết xong 4.901 việc.

- 5 tháng đầu năm 2019: Tổng số vụ việc thụ lý 5.444 việc, đã giải quyết xong 2.888 việc.

d) Về nhu cầu lập và sử dụng vi bằng tại cơ quan tố tụng

Theo Điều 2 Nghị định 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2009/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại ngày 24/07/2009: “Vi bằng là văn bản do Thừa phát lại lập, ghi nhận sự kiện, hành vi được dùng làm chứng cứ trong xét xử và trong các quan hệ pháp lý khác”; đồng thời, theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014: “Vi bằng do Thừa phát lại lập là nguồn chứng cứ để tòa án xem xét khi giải quyết vụ án và là căn cứ để thực hiện các giao dịch hợp pháp theo quy định của pháp luật. Trong quá trình đánh giá, xem xét giá trị chứng cứ của vi bằng, nếu xét thấy cần thiết, Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân có thể triệu tập Thừa phát lại để làm rõ tính xác thực của vi bằng”.

Từ kết quả thực tiễn xây dựng và phát triển chế định Thừa phát lại thời gian qua có thể thấy việc lập vi bằng và coi vi bằng là nguồn chứng cứ đã có tác động lớn đến đời sống dân sự, giúp người dân có thêm nguồn chứng cứ để bảo vệ quyền dân sự của mình. Cùng với đó, việc lập vi bằng cũng đã góp phần đáng kể trong việc ngăn ngừa và giảm tải các vụ việc khiếu kiện không đáng có giữa các tổ chức với tổ chức, giữa tổ chức với cá nhân và ngược lại. Đó là hướng đi đúng đắn trong cải cách tư pháp theo chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quá trình đổi mới, phát triển đất nước.

Vì vậy, việc xây dựng và triển khai chế định Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên là việc cần thiết, không chỉ giảm tải cho các cơ quan tố tụng, cơ quan thi hành án mà còn góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người dân.

III. NỘI DUNG

1. Mục tiêu của Đề án

- Thực hiện chế định Thừa phát lại nhằm phát huy tính hiệu quả của Thừa phát lại trong hoạt động tư pháp nói chung và Thi hành án dân sự nói riêng, thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa một số hoạt động hành chính, tư pháp.

- Hỗ trợ tích cực cho các hoạt động tư pháp được nhanh hơn, hiệu quả hơn, góp phần giảm tải công việc của các cơ quan tư pháp, trước hết là của Tòa án và cơ quan Thi hành án dân sự các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện để người dân có thêm sự lựa chọn phù hợp với năng lực, điều kiện của cá nhân khi yêu cầu thi hành án dân sự; tạo cơ chế tăng cường tính chủ động, tích cực của công dân trong các quan hệ dân sự, tố tụng dân sự.

2. Địa bàn, số lượng Văn phòng Thừa phát lại và thời gian thực hiện

a) Địa bàn thực hiện và số lượng Văn phòng Thừa phát lại được thành lập

Trong giai đoạn thực hiện Đề án (2019-2022) xây dựng và phát triển mạng lưới Văn phòng Thừa phát lại tại các địa bàn có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng điều kiện thuận lợi để xây dựng quy hoạch và thành lập tổ chức thừa

phát lại, đồng thời có tính đến nhu cầu thi hành án dân sự nhằm góp phần giải quyết khó khăn về lượng án tồn đọng, các yêu cầu về thi hành án dân sự của tổ chức và công dân. Các địa bàn trọng tâm trên địa bàn tỉnh có nhu cầu thành lập Văn phòng Thừa phát lại như sau:

- Thành phố Hưng Yên: Số lượng vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại và hôn nhân phải thi hành là 772 vụ/năm (*năm 2018*); số lượng văn bản cần tổng đạt khoảng 4.500 văn bản, giấy tờ/năm; việc lập vi bằng khoảng 2.500 vi bằng/năm.

- Thị xã Mỹ Hào: Số lượng vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại và hôn nhân phải thi hành là 646 vụ/năm (*năm 2018*); số lượng văn bản cần tổng đạt khoảng 4.000 văn bản, giấy tờ/năm; việc lập vi bằng khoảng 2.300 vi bằng/năm.

- Huyện Khoái Châu: Số lượng vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại và hôn nhân phải thi hành là 1099 vụ/năm (*năm 2018*); số lượng văn bản cần tổng đạt khoảng 6.000 văn bản, giấy tờ/năm; việc lập vi bằng khoảng 3.000 vi bằng/năm.

- Huyện Yên Mỹ: Số lượng vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại và hôn nhân phải thi hành là 836 vụ/năm (*năm 2018*); số lượng văn bản cần tổng đạt khoảng 5.000 văn bản, giấy tờ/năm; việc lập vi bằng khoảng 2.700 vi bằng/năm.

- Huyện Văn Lâm: Số lượng vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại và hôn nhân phải thi hành là 600 vụ/năm (*năm 2018*); số lượng văn bản cần tổng đạt khoảng 3.800 văn bản, giấy tờ/năm; việc lập vi bằng khoảng 2.200 vi bằng/năm.

- Huyện Văn Giang: Số lượng vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại và hôn nhân phải thi hành là 426 vụ/năm (*năm 2018*); số lượng văn bản cần tổng đạt khoảng 3.500 văn bản, giấy tờ/năm; việc lập vi bằng khoảng 2.000 vi bằng/năm.

b) Thời gian thực hiện

Trong giai đoạn đầu thực hiện Đề án (*năm 2019 - 2020*) xây dựng và phát triển mạng lưới Văn phòng Thừa phát lại tại các địa bàn của tỉnh phải dựa trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội, đáp ứng điều kiện thuận lợi để thừa phát lại tồn tại và phát triển, đồng thời phải tính đến nhu cầu thi hành án dân sự của tỉnh nhằm giải quyết khó khăn về lượng án tồn đọng, các yêu cầu về thi hành án dân sự của các tổ chức và công dân. Số lượng Văn phòng Thừa phát lại dự kiến thành lập là 06 Văn phòng.

Giai đoạn 2021 - 2022, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các Văn phòng Thừa phát lại, tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; tiến tới thực hiện chủ trương xây dựng hệ thống Văn phòng Thừa phát lại theo định hướng của Chính phủ và Bộ Tư pháp để đáp ứng nhu cầu của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Dự kiến sẽ bổ sung thêm từ 01 đến 02 Văn phòng Thừa phát lại.

c) Tổ chức thực hiện trong giai đoạn đầu thực hiện chế định Thừa phát lại

*** Giai đoạn 2019 - 2020**

- Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm tổ chức và hoạt động Thừa phát tại các tỉnh thực hiện thí điểm Thừa phát lại (*hoặc các tỉnh có Văn phòng Thừa phát lại*).

- Đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về Thừa phát lại; hiểu về hoạt động của Thừa phát lại, thấy được vai trò và sự cần thiết của tổ chức này trong thực tiễn đời sống pháp lý; các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại.

- Tổ chức xét duyệt hồ sơ đưa học viên bồi dưỡng nghiệp vụ Thừa phát lại.

- Thực hiện bổ nhiệm Thừa phát lại.

- Thành lập 06 Văn phòng Thừa phát lại: 01 tại thành phố Hưng Yên; 01 tại thị xã Mỹ Hào; các huyện: 01 tại Văn Giang, 01 tại Văn Lâm, 01 tại Yên Mỹ và 01 tại Khoái Châu.

*** Giai đoạn 2021 - 2022**

- Tập trung xây dựng hệ thống các Văn phòng Thừa phát lại và thành lập tổ chức hành nghề Thừa phát lại; bước đầu đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh.

- Bổ sung thêm từ 01 đến 02 Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh, được phân bố tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời có tính đến nhu cầu thi hành án dân sự theo từng đơn vị cấp huyện.

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động thừa phát lại; duy trì, ổn định các Văn phòng Thừa phát lại hiện có; củng cố, phát triển Văn phòng Thừa phát lại theo định hướng phân bố hợp lý từng địa bàn; phù hợp với định hướng phát triển của Chính phủ và Bộ Tư pháp.

3. Địa vị pháp lý, điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại

a) Địa vị pháp lý của Văn phòng Thừa phát lại

- Văn phòng Thừa phát lại là tổ chức hành nghề của Thừa phát lại.

- Văn phòng Thừa phát lại được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân hoặc loại hình công ty hợp danh. Người đại diện theo pháp luật của văn phòng Thừa phát lại phải là Trưởng văn phòng. Trưởng văn phòng Thừa phát lại phải là Thừa phát lại.

- Văn phòng Thừa phát lại có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính; con dấu văn phòng Thừa phát lại không có hình quốc huy và do Bộ Công an quy định.

- Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành, chế độ tài chính của văn phòng Thừa phát lại thực hiện theo quy định của pháp luật về Thừa phát lại và Luật Doanh nghiệp.

b) Điều kiện thành lập Văn phòng Thừa phát lại

Việc thành lập văn phòng Thừa phát lại phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Trụ sở văn phòng Thừa phát lại có diện tích bảo đảm cho hoạt động, cho việc lưu trữ tài liệu và thuận tiện cho khách hàng; có các điều kiện vật chất cần thiết khác để hoạt động.

- Có tổ chức bộ máy như sau:
- + Trưởng Văn phòng Thừa phát lại;
- + Các Thừa phát lại (*nếu có*);
- + Thư ký nghiệp vụ Thừa phát lại;
- + Nhân viên kế toán;
- + Nhân viên hành chính khác (*nếu có*).

c) Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại

Điều kiện để đăng ký hoạt động văn phòng Thừa phát lại:

- Phải cam kết mở tài khoản và đăng ký mã số thuế sau khi được đăng ký hoạt động;
- Phải mua có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho mỗi Thừa phát lại.
- Các tài liệu chứng minh điều kiện thành lập hoạt động của văn phòng Thừa phát lại.

Khi đăng ký hoạt động phải có đơn đăng ký hoạt động và giấy tờ chứng minh điều kiện đăng ký hoạt động văn phòng Thừa phát lại quy định nêu trên.

4. Về phạm vi, thủ tục thực hiện công việc được làm của Thừa phát lại

- Thực hiện việc tổng đạt giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án dân sự.
- Lập vi bằng theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức.
- Xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của đương sự.
- Trực tiếp tổ chức thi hành án các bản án, quyết định của Tòa án theo yêu cầu của đương sự. Thừa phát lại không tổ chức thi hành án các bản án, quyết định thuộc diện Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án.

Phạm vi, thủ tục thực hiện công việc của Thừa phát lại theo quy định của pháp luật.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với hoạt động của Thừa phát lại

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với hoạt động của Thừa phát lại thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và pháp luật có liên quan.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tổ chức, cá nhân có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Chi phí trong hoạt động của Thừa phát lại

Khi thực hiện công việc theo yêu cầu, Thừa phát lại được thu chi phí theo quy định tại Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của

Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT- BTP - TANDTC - VKSNDTC - BTC ngày 28/02/2014 của Liên Bộ hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội. Đối với những loại công việc mà hiện nay Nhà nước chưa quy định về chi phí thì Thừa phát lại và bên yêu cầu thực hiện công việc thỏa thuận việc thu phí.

7. Quản lý nhà nước về Thừa phát lại tại Hưng Yên

UBND tỉnh Hưng Yên quản lý nhà nước về Thừa phát lại tại địa phương. Giao Sở Tư pháp là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật liên quan đến Thừa phát lại

Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan có liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Thừa phát lại và Đề án của UBND tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của tổ chức, cá nhân về ý nghĩa, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các Văn phòng Thừa phát lại. Tuyên truyền về phạm vi công việc được làm của Thừa phát lại; trách nhiệm pháp lý của Thừa phát lại; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Thành lập và đăng ký hoạt động của Văn phòng thừa phát lại

Trên cơ sở quyết định phê duyệt Đề án của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tham mưu giúp UBND tỉnh quyết định thành lập và đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn theo các tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Thời gian thực hiện: Năm 2019 và các năm tiếp theo sau khi được Bộ Tư pháp phê duyệt Đề án.

3. Hoàn thiện các văn bản về thể chế cho tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh

Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan ban hành Quy chế phối hợp trong việc thực hiện chế định thừa phát lại trên địa bàn tỉnh.

Thời gian thực hiện: Sau khi Đề án triển khai thực hiện chế định Thừa phát lại tỉnh Hưng Yên được Bộ Tư pháp phê duyệt.

4. Công tác phối hợp thực hiện

a) Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh

- Tòa án nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức tuyên truyền, quán triệt chế định Thừa phát lại trong hệ thống Tòa án nhân dân huyện, thị xã, thành phố;

- Tòa án nhân dân tỉnh quan tâm, hỗ trợ cho hoạt động của các Văn phòng Thừa phát lại sau khi được thành lập và đi vào hoạt động thực hiện và chỉ đạo Tòa án nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở thỏa thuận với Thừa phát lại thực hiện chuyển giao việc tổng đạt văn bản của Tòa án nhân dân các cấp theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; trực tiếp thực hiện và hướng dẫn Tòa án nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh hướng dẫn đương sự về quyền yêu cầu Thừa phát lại tổ chức thi hành các bản án, quyết định để đương sự biết đến và sử dụng dịch vụ thi hành án của Thừa phát lại.

- Tòa án nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp trong việc xây dựng dự toán kinh phí tổng đạt của Tòa án cấp tỉnh, cấp huyện gửi Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

b) Đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức tuyên truyền, quán triệt chế định Thừa phát lại đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thị xã, thành phố;

- Thực hiện các chỉ đạo trước đây của Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự đối với hoạt động Thừa phát lại; thực hiện và chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp với Thừa phát lại trong việc tổ chức thi hành bản án, quyết định theo quy định tại Thông tư số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cung cấp thông tin cho Sở Tư pháp kết quả thực hiện các công việc về thi hành án dân sự của Thừa phát lại; trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, quan tâm giới thiệu, tuyên truyền về nhiệm vụ, quyền hạn của Thừa phát lại trong công tác thi hành án dân sự để đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết.

- Thực hiện và chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở thỏa thuận với Thừa phát lại thực hiện chuyển giao việc tổng đạt văn bản của Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp trong việc xây dựng dự toán kinh phí tổng đạt của cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương gửi Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp xem xét, quyết định.

c) Đề nghị Công an tỉnh

- Phối hợp với Sở Tư pháp tăng cường tuyên truyền về chế định Thừa phát lại; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hỗ trợ và thực hiện các yêu cầu của Thừa phát lại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và Nghị

định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009.

- Chỉ đạo Công an cấp huyện, cấp xã phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại tổ chức bảo vệ cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Khoản 4, Điều 72 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009.

d) Các sở, ban, ngành có liên quan

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tư pháp đăng tải thông tin tuyên truyền về Thừa phát lại trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hưng Yên phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, các quy định pháp luật của Nhà nước về Thừa phát lại; theo dõi, đưa tin về hoạt động của Thừa phát lại.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (*bao gồm cả thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất*) phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên theo quy định Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 và các quy định pháp luật có liên quan.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về đăng ký kinh doanh, đầu tư phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Sở Giao thông Vận tải cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về đăng ký phương tiện thủy nội địa, xe máy chuyên dụng có tham gia giao thông đường bộ phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên và phối hợp, hỗ trợ Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hưng Yên hướng dẫn các Ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng phối hợp, hỗ trợ thông tin cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định của Điều 176 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày

18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Kho bạc Nhà nước tỉnh Hưng Yên thực hiện và chỉ đạo Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, hỗ trợ Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định của Điều 176 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 61/2009/NĐ-CP Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

đ) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về Thừa phát lại.

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại theo Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nội dung trong Đề án được bố trí, dự toán hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh; được quản lý và sử dụng có hiệu quả theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Đề án này, định kỳ báo cáo UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Trên đây là Đề án về việc triển khai thực hiện chế định Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên./. 

Nơi nhận: 

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{Hào} 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Quang